TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2024/DS - ST
Ngày 23 tháng 8 năm 2024
"V/v hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Dân
Bà Trương Ánh Hoa

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 452/2024/TLST - DS ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 350/2024/QĐXXST-DS ngày 02/8/2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1978 (có mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp Gành H, xã Hoà T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

* *Bị đơn*: Ông Trần Thiện T, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).
Bà Phương Thị N (Ng), sinh năm 1971 (có mặt).
Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Gành H, xã Hoà T, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Ông Lê Văn Đ là nguyên đơn trình bày trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa như sau:*

Trước kia vợ, chồng bà Ng có vay của ông 1,2 cây vàng 24kara đưa nhiều lần không viết biên nhận nợ, đến ngày 06/9/2016 trả được 02 chỉ, còn lại 01 cây vàng 24kara, hai bên có viết biên nhận nợ vào ngày 06/9/2016, bà Ng có ký tên xác nhận ghi Phương Thị Ngh, mục đích vay số vàng trên để vợ, chồng bà Ngh làm vuông tôm công nghiệp. Từ khi vay nợ cho đến nay vợ, chồng bà Ngh không thực hiện việc trả nợ.

Qua nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng vợ, chồng bà Ngh không thực hiện.

Nay ông Đ yêu cầu bà Phương Thị Ngh và cùng chồng ông Trần Thiện Tr phải trả cho ông 01 cây vàng 24kara.

** Bà Phương Thị N (Ngh) là bị đơn trình bày:*

Bà không thừa nhận vay số vàng 1,2 cây vàng 24kara vay của ông Đ. Bà thừa nhận có vay của ông Đ 04 chỉ vàng 24kara, không làm biên nhận. Đối với biên nhận ngày 6/9/2016 số vàng 1,2 cây vàng 24kara là không có. Biên nhận không phải bà ký và viết họ và tên.

Bà đồng ý trả cho ông Đ 04 chỉ vàng 24kara, không đồng ý trả 01 cây vàng 24kara như ông Đ yêu cầu. Đối với số nợ 04 chỉ vàng 24Kara bà vay nợ của ông Đ nên chồng bà không có trách nhiệm trả.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày tại bảng tự khai như sau:*

Ông Trần Thiện Tr xác định đây là nợ vay của bà Phương Thị Ngh sử dụng nuôi tôm riêng, ông không sử dụng số vàng và không biết số vàng này và cũng không có ký tên vào biên nhận nợ, hiện ông Tr và bà Ngh là vợ chồng nhưng không sống chung với nhau.

Nay yêu cầu của ông Đ thì ông không đồng ý ông xác định đây là nợ riêng của bà Ngh.

Ông xin vắng mặt các phiên hoà giải và xét xử tại toà án, ông cam kết không kiếu nại gì về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với ông Tr có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Nên Tòa án căn cứ theo quy định Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, có thuận lãi suất.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 01 cây vàng 24Kara, còn bị đơn cho rằng nợ 04 chỉ vàng 24kara từ đó hai bên phát sinh tranh chấp.

Chứng cứ có tại hồ sơ gồm biên nhận ngày 06/9/2016, nội dung bà Phương Thị Ngh có nhận của ông Lê Văn Đ một cây vàng 24Kara, lãi suất 1.200.000 đồng/tháng. Đóng lãi mỗi tháng từ ngày 06/9/2016.

Tại phiên tòa bà Ngh xác định bà Phương Thị Ngh là tên trong Giấy chứng minh nhân dân của bà và tên Ngh là tên gọi thường dùng. Bà xác định Ng và Ngh là tên của bà, tuy nhiên biên nhận ngày 06/9/2016 bà không thừa nhận chữ ký và chữ viết của bà, nhưng quá trình giải quyết vụ án tòa án có ấn định thời gian để yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết và tại phiên tòa bà Nghé cũng không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà.

Căn cứ và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm biên bản kiểm tra chứng cứ ngày 14/9/2023; biên bản hòa giải ngày 14/9/2023, biên nhận ngày 06/9/2016 chữ ký và chữ viết họ tên có cùng một người viết và ký ra.

Cho nên, biên nhận là chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Do bà Ngh là người ký tên vào biên nhận nợ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên buộc bà Ngh có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bằng 01 cây vàng 24kara là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm thanh toán nợ:

Tại phiên toà nguyên đơn yêu cầu bà Phương Thị Ngh và ông Trần Thiện Tr cùng trả nợ. Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình và Điều 288 của Bộ luật dân sự; bà Ngh và ông Tr hiện là vợ, chồng với nhau, do các đương sự không chứng minh được nợ riêng, sử dụng vào mục đích riêng của bà Ngh. Nên ông Tr có trách nhiệm liên đới cùng bà Ngh thanh toán cho nguyên đơn là phù hợp.

[6] Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn phải nộp án phí theo quy định, Nguyên đơn không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 288, 357, 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 143 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ.

Buộc bà Phương Thị Ngh (Ngh) và ông Trần Thiện Tr thanh toán cho ông Lê Văn Đ bằng 01 cây vàng 24kara.

Kể từ ngày ông Lê Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phương Thị Ngh (Ngh) và ông Trần Thiện Tr không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Lê Văn Đ không phải nộp án phí vào ngày 04/7/2024 đã dự nộp án phí 1.950.000 đồng, tại lai thu số 0008860 hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

Ông Trần Thiện Tr và bà Phương Thị Ngh (Ngh) phải nộp số tiền 3.740.000 đồng (chưa nộp).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã Ký

Nguyễn Thị Thắm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
-VKSND Tp. Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu Toà án Tp Cà Mau.